TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HS-ST
Ngày: 31-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Toán.

2. Ông Lý Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2022, tại phòng xét xử số 01, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2022/TLST-HS ngày 04/03/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HS ngày 10/03/2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 10/2022/TB-TA ngày 21/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/ HSST-QĐ ngày 29/3/2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 28/7/1980, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị P (đã chết); vợ Đỗ Thị N, sinh năm 1983; có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2011; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án số 75/2015/HSST ngày 08/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, phạt bổ sung 3.000.000 đồng. Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt tiền bổ sung. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2021 đến nay. Có mặt.

2. Phạm Văn T1 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 10/8/1969, tại huyện T, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1927; vợ Đỗ Thị M,

sinh năm 1974; có 02 con: lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2021 đến nay. Có mặt.

3. Nông Văn N (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 28/5/1981, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn N1 (đã chết) và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1962; vợ Đường Thị Thanh T, sinh năm 1985; có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2021 đến nay. Có mặt.

4. Đường Anh T (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 03/4/1980, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đường Văn D (đã chết) và Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; vợ Lục Thị L, sinh năm 1988; có 03 con; lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2021 đến nay. Có mặt.

5. Nông Công L (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 16/6/1978, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn Q, sinh năm 1955 và bà Lý Thị S, sinh năm 1954; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2021 đến nay. Có mặt.

6. Nguyễn Thị B (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 17/5/1960, tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Q xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 05/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (đã chết); chồng Đường Văn D (đã chết); có 06 con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2021 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 13/12/2021, tại nhà Đường Anh T, sau khi ăn cơm, uống rượu khao thợ khai thác rừng gỗ bóc xong, Phạm Văn T1 gợi ý

cùng Nông Văn N, Đường Anh T, Phạm Văn T nhất trí chơi xóc đĩa. Phạm Văn T tự gọi thêm Nông Công L. Sau đó, Phạm Văn T1 lấy vỏ bao thuốc lá cắt lấy 04 quân vị có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng. Khi Nông Công L đến, Phạm Văn T lấy bát và đĩa ở chạn bát nhà Tuấn xuống để sử dụng đánh bạc. Ban đầu có: T, T1, N, L đánh bạc; trong đó mọi người giao cho Nông Văn N cầm cái cho mọi người đánh mức tối thiểu là 10.000đồng/01 ván và không hạn chế mức tối đa. Đánh được mấy ván thì Đường Anh T lên nhà chính lấy chiếu xuống cho mọi người ngồi đánh bạc rồi vào tham gia đánh bạc cùng; Nguyễn Thị B ngồi sưởi lửa và ngồi xem các con cháu nhưng không tham gia đánh bạc.

Trong quá trình đánh bạc Phạm Văn T bị thua hết tiền nên vay Đường Anh T 3.000.000đ để đánh bạc, sau lại thua hết tiền thấy Nguyễn Thị B ngồi ở đó thì T hỏi vay 1.000.000đ để đánh bạc tiếp, Nguyễn Thị B biết T vay để đánh bạc nhưng vì cả nể nên vẫn cho T vay, khi vay tiền dù không có thỏa thuận gì nhưng T vẫn lấy 20.000đ là tiền đang sử dụng đánh bạc, nói cho tiền ăn sáng. Đến khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Hữu Lũng phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tang vật, gồm:

01 chiếu cói, 01 bát và 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị và số tiền 6.940.000 đồng, trong đó: 2.350.000đ thu trên người của Phạm Văn T1 3.550.000đ, Đường Anh T 730.000đ, Nguyễn Thị B 300.000đ, Nông Văn N 10.000đ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím; Nông Công L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh; Phạm Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA.

Hình thức đánh bac xóc đĩa được mô tả như sau: là dùng 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị một mặt màu trắng một mặt màu vàng. Khi đánh có một người cầm cái (xóc đĩa), quy định bên phải người cầm cái là cửa chẵn, bên trái là cửa lẻ. Khi bắt đầu một ván bạc, người cầm cái cho bốn quân vị vào trong đĩa sau đó úp bát lên rồi xóc. Xóc xong đặt xuống chiếu để những người đánh bạc đặt tiền theo cửa chẵn hoặc cửa lẻ tùy chọn. Sau khi đặt tiền xong, người cầm cái hoặc người đánh bạc bất kỳ mở bát ra xem các quân vị lật số chẵn hay lẻ. Nếu quân trong đĩa lật số chẵn thì những người đặt cửa chẵn thắng tiền, cửa lẻ thua tiền; nếu quân trong đĩa ra số lẻ thì những người đặt cửa lẻ thắng tiền, cửa chẵn thua tiền. Chẵn là khi có cả bốn quân vị cùng màu hoặc hai quân mặt trắng, hai quân mặt vàng, lẻ là có ba quân vị cùng màu còn một quân vị khác màu. Người cầm cái sẽ lấy tiền của người thua trả cho người thắng, tỷ lệ là 01 ăn 01, còn thừa thì được hưởng, nếu thiếu thì bỏ tiền ra bù.

Tại bản kết luận giám định số 91/KLGĐ-PC09 ngày 18/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận toàn bộ số tiền 6.940.000 đồng gửi giám định đều là tiền thật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 5.940.000 đồng bằng hình thức "*xóc đĩa đánh chẵn lẻ*".

Tại bản Cáo trạng số: 11/CT-VKS ngày 03/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng đã truy tố bị cáo Phạm Văn T cùng đồng phạm về Tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong lời luận tội, đại điện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét: Tuyên bố 06 bị cáo phạm Tội đánh bạc;

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo Phạm Văn T1, Đường Anh T, Nông Văn N từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 36, 50, 58, của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo Nông Công L, Nguyễn Thị B từ 06 tháng đến 08 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo đề nghị hình phạt cải tạo không giam giữ do các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, các điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử lý vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 5.940.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh của Nông Công L, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu xanh của Phạm Văn T. Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu cói, 01 bát bằng sứ và 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị là công cụ sử dụng đánh bạc. Trả lại: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím cho bị cáo Nông Văn N, số tiền 280.000đ thu giữ của Nguyễn Thị B và 720.000đ thu giữ của Đường Anh T do không liên quan đến việc đánh bạc. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của bản thân là sai trái, vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện là

hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai nhận tội của 06 bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, số tiền và vật chứng bị thu giữ, đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 13/12/2021, tại nhà của Đường Anh T; sau khi ăn cơm, uống rượu khao thợ khai thác rừng xong, Phạm Văn T1 gợi ý và rủ Nông Văn N, Đường Anh T, Phạm Văn T đánh "*xóc đĩa chẵn lẻ ăn tiền*"; Phạm Văn T tự gọi điện rủ thêm Nông Công L đến đánh bạc. Sau đó Phạm Văn T1 và Phạm Văn T chuẩn bị dụng cụ lấy bát đĩa, cắt quân vị rồi cùng N, L thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa, Nông Văn N là người được mọi người bảo cầm cái, đánh được mấy ván thì Đường Anh T lấy chiếu ra để ngồi đánh bạc rồi vào tham gia đánh bạc cùng; Nguyễn Thị B ngồi xem, không tham gia đánh bạc cùng nhưng do cả nể đã cho Phạm Văn T mượn 1.000.000đ để đánh bạc.

[3] Tổng số tiền các bị cáo đã và đang sử dụng đánh bạc khi bị bắt quả tang là 5.940.000đ. Phạm Văn T và Phạm Văn T1 có vai trò trong việc rủ rê và chuẩn bị công cụ đánh bạc; Đường Anh T không tham gia đánh bạc từ đầu nhưng để mặc cho các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc tại nhà mình; các bị cáo còn lại đều có vai trò người thực hành, thực hiện hành vi đánh bạc do bột phát trong đó Nông Văn N là người cầm cái, đối với Nguyễn Thị B mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng có vai trò đồng phạm giúp sức cho T mượn tiền để đánh bạc.

[4] Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an ninh trật tự công cộng, là nguyên nhân tiền đề phát sinh thiệt hại về kinh tế và các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp vì mục đích hám lợi, mong muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng, bất chấp pháp luật. Từ các phân tích nêu trên đảm bảo căn cứ kết luận, hành vi của bị cáo Phạm Văn T cùng đồng phạm đã cấu thành Tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Để quyết định hình phạt ngoài việc xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt, cụ thể:

[6] Về nhân thân: Các bị cáo đều đang trong độ tuổi lao động, là trụ cột chính trong gia đình, đang nuôi dưỡng các con còn nhỏ; không có công việc, thu nhập ổn định. Đa số các bị cáo đều chưa từng bị Tòa án xét xử, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật nên thuộc trường hợp có nhân thân tốt, riêng bị cáo Phạm Văn T có nhân thân không tốt do đã từng bị xét xử về hành vi đánh bạc, chưa được xóa án tích. Các bị cáo Nông Văn N, Nông Công L có lý

lịch thể hiện là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng), trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn T có 01 tiền án chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung, chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa 06 bị cáo đều thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phạm Văn T1, Nông Văn N, Đường Anh T, Nông Công L, Nguyễn Thị B phạm tội lần đầu (chưa từng bị xét xử) và thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng (khung hình phạt bị truy tố có mức hình phạt cao nhất đến 03 năm tù) nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Hình phạt chính: Trên cơ sở xem xét, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không có việc tổ chức, bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cụ thể, mà các bị cáo phạm tội mang tính bột phát sau khi đã uống rượu, đều có vai trò người thực hành, giúp sức. Đối với bị cáo Đường Anh T ngoài việc tham gia đánh bạc thì còn có vai trò là chủ nhà để mặc các bị cáo khác đánh bạc, nhưng không thu tiền hồ, không có mục đích thu lợi bất chính; hành vi để mặc cho các bị cáo sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu của mình làm nơi đánh bạc có dấu hiệu tổ chức nhưng không thể hiện rõ ràng động cơ, mục đích trong ý thức chủ quan, không đủ cấu thành của tội tổ chức đánh bạc. Riêng bị cáo Nguyễn Thị B không tham gia đánh bạc nhưng ngồi xem và cho bị cáo T vay tiền để đánh bạc, gián tiếp đồng ý việc các bị cáo đánh bạc tại nhà của mình (Nguyễn Thị B và Đường Anh T là hai mẹ con, anh Nông Văn N là con rể). Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào mức độ tham gia tích cực và số tiền đánh bạc để xác định vai trò của từng bị cáo, đồng thời xem xét đến các yếu tố nhân thân, các tình tiết tăng nặng, mức độ giảm nhẹ để phân hóa trách nhiệm hình sự, cá thể hóa mức và cách thức thực hiện hình phạt, cụ thể:

[10] Bị cáo Phạm Văn T đã từng bị Tòa án xử phạt tù cho hưởng án treo, phạt tiền bổ sung về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện vi phạm tương tự, thể hiện sự coi thường, bất chấp pháp luật. Bị cáo có vai trò đầu vụ, là người cùng tham gia từ đầu, nhất trí với gợi ý của bị cáo T1; sau đó tự gọi điện thoại rủ rê thêm bị cáo L đến đánh bạc và chuẩn bị công cụ đánh bạc, tham gia với số tiền đánh bạc nhiều nhất, khi thua hết tiền đánh bạc thì mượn tiền của Đường Anh T (3.000.000đ), Nguyễn Thị B (1.000.000đ và tự nguyện cho B 20.000đ ăn sáng). Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng và 01 tình tiết giảm nhẹ, số tiền đánh bạc nhiều (4.470.000 đ) nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian ngắn nhất định, ấn định mức hình phạt tương xứng gần khởi điểm của khung hình phạt nhưng cao hơn mức lần đầu đã từng bị xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo cùng về tội

đánh bạc nhằm đảm bảo thời gian cải tạo, học tập, tu dưỡng, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích.

[11] Bị cáo Phạm Văn T1 không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 tham gia từ đầu gợi ý, rủ rê và chuẩn bị công cụ đánh bạc; hoàn cảnh gia đình bị cáo rất éo le, sức khỏe không tốt thường xuyên ốm đau. Xét thấy cần xét xử hình phạt tù đối với bị cáo mức hình phạt gần khởi điểm khung hình phạt nhưng thấp hơn bị cáo đầu vụ và cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, ấn định gấp đôi thời gian thử thách cũng đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[12] Các bị cáo Nông Văn N, Đường Anh T đồng phạm với vai trò thứ yếu; không có tình tiết tăng nặng và đều có 02 tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo Nông Văn N tham gia đánh bạc từ đầu và được những người khác nhất trí, cầm cái vài ván, số tiền đánh bạc ít hơn nhiều các bị cáo phía trên (700.000đ); là trụ cột của gia đình nuôi 02 con nhỏ. Bị cáo Đường Anh T có vai trò thứ yếu có hành vi để mặc cho đánh bạc tại nhà, số tiền đánh bạc ít (20.000đ chơi được 02 ván) không tham gia đánh bạc từ đầu nhưng cho Phạm Văn T1 vay tiền do cả nể; bị cáo T là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nuôi 02 con nhỏ và mẹ già, bố mất sớm. Cần xét xử hình phạt tù đối với 02 bị cáo với mức hình phạt ngay gần mức khởi điểm, phù hợp với số tiền đánh bạc và cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, ấn định gấp đôi thời gian thử thách cũng đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[13] Đối với bị cáo Nông Công L có 02 tình tiết giảm nhẹ và vai trò thứ yếu, tham gia đánh bạc từ đầu nhưng số tiền ít nhất (120.000đ), bị cáo là con thứ 2 trong gia đình, vợ con chưa có; bị cáo Nguyễn Thị B có 02 tình tiết giảm nhẹ, có vai trò thấp nhất không tham gia đánh bạc chỉ ngồi xem con cháu trong nhà đánh bạc, do cả nể nên cho Phạm Văn T1 vay tiền đánh bạc nhưng không được hưởng lợi, tuổi đã cao (62 tuổi). Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng lượng khoan hồng, xử phạt các bị cáo nhẹ hơn nhóm bị cáo phía trên, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[14] Hình phạt bổ sung, biện pháp khấu trừ thu nhập: Căn cứ các Biên bản xác minh gia cảnh có xác nhận của chính quyền địa phương, xác định các bị cáo không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành án; do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Đường Anh T, Nông Văn N và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nông Công L, Nguyễn Thị B.

[15] Xử lý vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 5.940.000đ các bị cáo sử dụng đánh bạc. Tịch thu nộp ngân sách 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Nông Công L, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 của Phạm Văn T và tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu cói, 01 bát bằng sứ, 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị do đều là các công cụ, phương tiện phạm tội. Trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO cho bị cáo Nông Văn N, số tiền 280.000đ cho bị cáo Nguyễn Thị B và 720.000đ cho bị cáo Đường Anh T do không liên quan đến việc hành vi phạm tội.

[16] Đối với số tiền các bị cáo cho nhau vay trong quá trình đánh bạc là công cụ, phương tiện sử dụng để đánh bạc đã thị thu giữ; tại phiên tòa các bị cáo không có yêu cầu hoàn trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Riêng bị cáo Nguyễn Thị B thuộc trường hợp người cao tuổi (62 tuổi) nhưng chưa có đơn xin được miễn tiền án phí; tại phiên tòa khi được hỏi, bị cáo khẳng định vẫn có khả năng nộp án phí.

[18] Đề nghị giảm nhẹ hình phạt trong lời nói sau cùng của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc trong quá trình nghị án. Đề nghị luận tội và các căn cứ áp dụng, xử lý các vấn đề liên quan của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phù hợp với các nhận định nêu trên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ riêng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T1, Nông Văn N, Đường Anh T, Nông Công L, Nguyễn Thị B và căn cứ riêng điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

Căn cứ riêng Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Công L, Nguyễn Thị B; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T và căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T1, Đường Anh T, Nông Văn N.

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 điều 136, các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

I. Tội danh.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nông Văn N, Đường Anh T, Nông Công L và Nguyễn Thị B phạm tội Đánh bạc.

II. Hình phạt.

1. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày bị bắt tạm giam 18/12/2021.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời giam thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày xét xử sơ thẩm 31/3/2022.

3. Xử phạt bị cáo Nông Văn N 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời giam thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày xét xử sơ thẩm 31/3/2022.

4. Xử phạt bị cáo Đường Anh T 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời giam thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày xét xử sơ thẩm 31/3/2022.

Giao các bị cáo Phạm Văn T1, Nông Văn N, Đường Anh T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Xử phạt bị cáo Nông Công L 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nông Công L.

6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị B.

Giao các bị cáo Nông Công L, Nguyễn Thị B cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ.

Gia đình người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú trong việc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Trường hợp người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Luật thi hành án hình sự.

III. Xử lý vật chứng:

1. Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước số tiền 5.940.000đ (năm triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Tịch thu, hóa giá nộp Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, số Imei 1: 38498, số Imei 2: 38480 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu xanh số Seri 726948.

3. Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc chiếu cói, 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ có hoa văn đỏ, xanh, 04 quân vị làm bằng vỏ bao thuốc lá Th.

4. Trả lại cho các bị cáo Nông Văn N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím, số Imei 1: 16797, số Imei 2: 16789; bị cáo Nguyễn Thị B số tiền 280.000đ (hai trăm, tám mươi nghìn đồng); bị cáo Đường Anh T số tiền 720.000đ (bảy trăm, hai mươi nghìn đồng).

(Vật chứng và số tiền hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn và được mô tả chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/03/2022).

IV. Án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nông Văn N, Đường Anh T, Nông Công L và Nguyễn Thị B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

V. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Cường